TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2022
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quân.

2. Ông Y Míp Niê.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1998 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995 - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:* Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau vào ngày 05/10/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống hai người không có tiếng nói chung. Anh Nguyễn Ngọc T là người khô khan, không quan tâm, chăm sóc chị Nguyễn Thị K. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với anh chồng về việc

làm ăn. Chị Nguyễn Thị K đã đưa con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã L về thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk sinh sống từ năm 2019. Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc T đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2019 đến nay. Hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải, khuyên bảo hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả gì. Nay chị Nguyễn Thị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã L, sinh ngày 05/2/2019. Hiện tại, cháu Nguyễn Ngọc Nhã L đang ở với chị Nguyễn Thị K. Chị Nguyễn Thị K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Nhã L đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2021 anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị K kết hôn với nhau vào ngày 05/10/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn với anh chồng về việc làm ăn. Chị Nguyễn Thị K đã dẫn theo con chung của hai vợ chồng về nhà mẹ đẻ tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk sinh sống khi phát sinh mâu thuẫn. Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị K đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Hai bên gia đình nội ngoại không hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nay anh Nguyễn Ngọc T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K, bởi vì anh T mong muốn để con chung đủ ba tuổi để thỏa thuận ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong quá trình chung sống giữa anh Nguyễn Ngọc T với chị Nguyễn Thị K có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã L, sinh ngày 05/2/2019. Anh Nguyễn Ngọc T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Nhã L đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu chị Nguyễn Thị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị K chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự; Anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là không chấp hành quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, xử:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã L, sinh ngày 05/02/2019 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và *nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn, xác định trách nhiệm nuôi con đây là vụ kiện *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm giao việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc T.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào giấy kết hôn số 62 ngày 05/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì có cơ sở xác định, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Ngọc T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Qua lời trình bày của các đương sự và xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Ngọc T sinh sống thể hiện được giữa chị K với anh T có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, chị K, anh T không quan tâm, chăm sóc tới nhau. Chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Ngọc T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Nguyễn Ngọc T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn với chị K, đồng thời anh T vắng mặt không có lý do tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để chị K với anh T đoàn tụ với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị K với anh T đã quá trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống

chung không thể kéo dài, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị K là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình giải quyết vụ án, xác định được giữa chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Ngọc T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã L, sinh ngày 05/02/2019. Qua lời trình bày của các đương sự, đồng thời xác minh tại chính quyền địa phương thì xác định được cháu Nguyễn Ngọc Nhã L đang sinh sống với chị Nguyễn Thị K từ năm 2019 đến nay. Cháu Nguyễn Ngọc Nhã L là con gái, đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Để đảm bảo cuộc sống, cũng như tâm sinh lý cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã L cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị K phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị K được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Nhã L, sinh ngày 05/02/2019 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con thì phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số 60AA/2021/0002944 ngày 16 tháng 7 năm 2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã T;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng